

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 225/2023/DS - PT

Ngày 18 – 7 – 2023

V/v kiện đòi tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2023/TLPT- DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS - ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2023/QĐ - PT ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1970 - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Dư Thị T1, sinh năm 1972 - Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn 13, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Văn T2, sinh năm: 1975 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Ngô Phi Mạnh (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Phi M là ông Ngô Phi M1, sinh năm 1995 và bà Ngô Thị Thanh B, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đều có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Dur Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu làm việc tiếp theo và lời khai tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:***

Trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và có quan hệ cùng là Giáo viên tại trường Tiểu học Nguyễn T, tại xã V, huyện K, nên vào ngày 04/02/2013 tôi có cho bà Dur Thị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán vào ngày 30/7/2016. Đến ngày 05/4/2015 bà T1 tiếp tục vay thêm của tôi số tiền 137.680.000 đồng, thời hạn thanh toán vào ngày 30/7/2015. Tổng cộng 02 lần vay là 157.680.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Khi vay bà T1 trình bày là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, hai bên không thỏa thuận lãi suất vay. Cả hai lần vay bà T1 đều viết giấy vay tiền và ký tên xác nhận (Lần vay thứ hai còn có chồng của bà T1 là ông Ngô Phi M ký nhận nhưng hiện nay ông Mạnh đã chết).

Trong 02 lần vay nói trên mặc dù đã quá thời hạn trả nợ từ lâu nhưng bà T1 chỉ mới hoàn trả cho tôi được số tiền 5.000.000 đồng nợ gốc rồi không trả thêm được khoản nợ nào khác. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Dur Thị T1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho tôi số tiền vay gốc còn nợ là 152.680.000 đồng (*Một trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Tôi không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà bà T1 vay của ông T2 và cam kết trả nợ cho ông T2, thì tôi chỉ là người làm chứng, tôi không liên quan đến số tiền 200.000.000 đồng mà bà T1 vay của ông T2. Ngày 09/12/2016 tôi có nhận thay cho ông T2 số tiền 10.000.000 đồng từ bà T1. Tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

**** Bị đơn bà Dur Thị T1 trình bày:***

Tôi thừa nhận lời trình bày của bà Hồ Thị T về việc vào ngày 04/02/2013 tôi có vay của bà T số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 30/7/2016. Đến ngày 05/4/2015 vợ chồng tôi vay thêm của bà T số tiền 137.680.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 30/7/2015. Tổng cộng 02 lần vay là 157.680.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Vợ chồng tôi vay tiền của bà T để về làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Cả hai lần vay tôi đều viết và ký tên xác nhận vào giấy vay tiền của bà T. (*Lần vay thứ hai còn có chồng tôi ông Ngô Phi M ký xác nhận nhưng hiện nay chồng tôi ông Ngô Phi M đã chết*).

Về lãi suất vay: Đối với số tiền 20.000.000 đồng thì hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 25.000đồng/1.000.000đồng/01tháng. Đối với số tiền vay 137.680.000 đồng thì hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3.000đồng/1.000.000 đồng/01 ngày.

Đến khoảng tháng 8/2015 tôi trả trực tiếp cho bà T 40.000.000 đồng tiền lãi suất đối với khoản vay 130.000.000 đồng, khi trả tôi không lập chứng từ gì và cũng không có ai làm chứng. Ngày 5/4/2015 tôi trả cho bà T được 5.000.000 đồng nợ gốc (có ghi vào giấy vay tiền). Sau đó do làm ăn khó khăn nên tôi không trả thêm được khoản nợ nào cho bà T, nên bà T yêu cầu tôi chuyển nợ qua trả cho ông Đỗ Văn T2 với tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh là 200.000.000 đồng, nên ngày 31/01/2016 tôi đã viết giấy vay tiền của ông Đỗ Văn T2, trú tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với số tiền 200.000.000 đồng, sau đó tôi viết tiếp giấy cam đoan với bà T (là người làm chứng) và hẹn ngày 15/10/2016 (Âm lịch) tôi sẽ trả trước cho ông T2 số tiền vay gốc 70.000.000 đồng. Sau khi chuyển nợ thì đến ngày 9/12/2016 tôi đã trả cho ông Đỗ Văn T2 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiếp đến ngày 13/12/2016 tôi trả cho ông T2 thêm số tiền 14.000.000 đồng, cả hai lần trả đều có bà T viết giấy nhận tiền và ký nhận. Rồi sau đó tôi không thấy ông T2 đến đòi tiền nên tôi không trả thêm được khoản nợ nào khác.

Nay bà Hồ Thị T làm đơn khởi kiện tôi số tiền vay còn nợ là 152.680.000 đồng thì tôi không đồng ý trả nợ cho bà T, vì toàn bộ số nợ giữa tôi và bà T đã cản trở nghĩa vụ trả nợ sang qua ông T2.

Trong giấy vay thứ hai ngày 05/4/2015 vay tiền 137.680.000 đồng có chồng tôi là ông Ngô Phi M tham gia ký nhận với từ cách là người cùng tôi vay tiền bà T (mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình). Tuy nhiên, sau khi vay thì ngày 30 tháng 5 năm 2017 ông Ngô Phi M đã chết. Lúc còn sống thì ông Ngô Phi M và tôi có 02 người con cụ thể: Ngô Phi M1, sinh năm 1995; Ngô Thị Thanh B, sinh năm 1999. Còn bố mẹ ông Ngô Phi M đã chết trước lúc tôi kết hôn với ông Ngô Phi M.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T2 trình bày:***

Tôi có quen biết qua việc làm ăn buôn bán với bà Hồ Thị T, thông qua bà T thì tôi có biết bà Dư Thị T1 và chồng bà T1 là ông Ngô Phi M (đã chết). Được sự giới thiệu của bà T, nên vào ngày 31/01/2016 tôi có cho vợ chồng bà Dư Thị T1, ông Ngô Phi M (đã chết) vay số tiền 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả vào ngày 31/12/2016, sau đó bà T1 có viết cho tôi 01 giấy cam kết trả nợ, có bà T xác nhận là người làm chứng, bà T1 hẹn tôi đến ngày 15/10/2016 (Âm lịch) sẽ trả cho số tiền vay gốc 70.000.000 đồng, nhưng cho đến ngày

9/12/2016 bà T1 mới trả cho tôi được số tiền 10.000.000 đồng (bà T nhận thay cho tôi từ bà T1), tiếp đến ngày 13/12/2016 bà T1 có trả cho tôi được số tiền 14.000.000 đồng. Tổng cộng bà T1 trả cho tôi được số tiền gốc 24.000.000 đồng, còn nợ lại tôi số tiền gốc 176.000.000 đồng. Hiện tại do công việc bận rộn nên tôi chưa làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với bị đơn bà Dư Thị T1 đối với số tiền còn nợ của tôi 176.000.000 đồng, sau này sắp xếp được công việc tôi sẽ làm đơn khởi kiện đối với bà T1.

Bà T làm đơn khởi kiện bà T1 số tiền vay gốc còn nợ là 152.680.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 cho rằng toàn bộ số nợ giữa bà T1 và bà T đã được các bên đồng ý chuyển nợ qua cho tôi với tổng số tiền gốc và tiền lãi là 200.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng sự thật. Giữa tôi với bà Hồ Thị T và bà Dư Thị T1 không hề có sự thỏa thuận nào về việc cản trở nghĩa vụ trả tiền giữa bà Dư Thị T1 và bà Hồ Thị T cho tôi đối với số tiền 200.000.000 đồng, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

*** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Phi M là ông Ngô Phi M1 và bà Ngô Thị Thanh B trình bày:**

Chúng tôi là con của bà Dư Thị T1 và ông Ngô Phi M, bố mẹ chúng tôi có vay tiền bà Hồ Thị T hay không thì chúng tôi không biết, vì chúng tôi không được nghe bố mẹ nói về việc vay tiền bà Hồ Thị T. Bố mẹ chúng tôi cũng không mang tiền về để phục vụ nhu cầu kinh tế trong gia đình. Bố chúng tôi chết năm 2017 với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Phi M. Chúng tôi xác định khi bố chết không để lại bất cứ tài sản gì cho chúng tôi, hiện nay bố chúng tôi cũng không có bất cứ tài sản gì chưa chia di sản thừa kế. Nếu bố mẹ chúng tôi có vay tiền bà Hồ Thị T, bây giờ bố chúng tôi chết, buộc chúng tôi có nghĩa vụ trả nợ thì chúng tôi không đồng ý, vì chúng tôi không được hưởng bất cứ tài sản gì từ khi bố chết đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DSST ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 164, Điều 169, Điều 256, Điều 305, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 155, Điều 615, Điều 651, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

Buộc bà Dư Thị T1 phải trả cho bà Hồ Thị T số tiền là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Buộc bà Dư Thị T2 phải liên đới cùng ông Ngô Phi M2 và bà Ngô Thị Thanh B trả cho bà Hồ Thị T số tiền 132.680.000 đồng (*một trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Ông Ngô Phi M2 và bà Ngô Thị Thanh B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Ngô Phi M chết để lại.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Dư Thị T1 kháng cáo Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm, sửa bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Dư Thị T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dư Thị T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của bà Dư Thị T1 về việc không đồng ý trả số tiền còn nợ 152.680.000 đồng vì cho rằng đã khấu trừ khoản nợ cho ông Đỗ Văn T2 Hội đồng xét xử xét thấy.

Quá trình quen biết bà T, bị đơn bà Dư Thị T1 có vay tiền của và T02 lần: Lần 1 vào ngày 04/02/2013 bà T1 vay bà T số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 30/7/2016, khi vay thì bà T1 có ký nhận nợ; Lần 02 vào ngày 05/4/2015 bà T1 cùng chồng là ông Ngô Phi M vay bà T số tiền 137.680.000 đồng, thời hạn trả là ngày 30/7/2015, quá trình vay thì đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 132.680.000 đồng, khi vay thì bà T1 và ông M đã ký nhận nợ (hiện nay ông

M1 đã chết). Về khoản nợ thì bị đơn bà Dư Thị T1 thừa nhận có nợ bà T tổng số tiền 137.680.000 đồng và đã trả cho bà T 5.000.000 đồng của khoản vay ngày 05/4/2015. Còn số tiền 20.000.000 đồng vay trước đó chưa trả. Tổng số tiền còn nợ là 152.680.000 đồng. Tuy nhiên, khoản nợ này bà không đồng ý trả cho bà T vì bà cho rằng khi vay tiền thì lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 25.000 đồng/1.000.000đồng/01 tháng đối với khoản vay 20.000.000 đồng. Còn khoản 137.680.000 đồng thì hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3.000đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tính đến tháng 8/2015 bà đã trả trực tiếp cho bà T 40.000.000 đồng tiền lãi suất đối với khoản vay 130.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại bà T1 nợ bà T thì đã căn trừ công nợ sang cho ông Đỗ Văn T2 trong tổng số tiền bà T1 nợ ông T2 200.000.000 đồng là không có căn cứ.

Bởi lẽ, bà T1 trình bày đã trả cho bà T số tiền 40.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có giấy tờ tài liệu gì chứng minh đã trả lãi cũng như trả khoản tiền 40.000.000 đồng cho bà T, bà T không thừa nhận. Đồng thời ý kiến của ông T2, không thừa nhận khoản tiền bà T1 ký giấy vay 200.000.000 đồng với ông là khoản tiền bà T1 chuyển nợ từ bà T căn trừ qua. Theo nội dung giấy vay tiền thì bà T chỉ ký với tư cách là người chứng kiến việc vay tiền giữa ông T2 và bà T1 nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đối với khoản nợ là số tiền 132.680.000 đồng, bà T1 còn nợ bà T là khoản vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân cùng chồng là ông Ngô Phi M vay bà T1 vào ngày 05/4/2015. Nhưng hiện nay ông Ngô Phi M đã chết, nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà T1 và ông Ngô Phi M1, bà Ngô Thị Thanh B cùng liên đới trả cho bà Hồ Thị T là có căn cứ. Ông M1 và bà B có trách nhiệm phải liên đới cùng bà Dư Thị T1 trả số tiền vay 132.680.000 đồng cho bà Hồ Thị T trong phạm vi di sản do ông Ngô Phi M chết để lại là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích, nhận định trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Dư Thị T1 mà cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DSST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bà Dư Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Dư Thị T1.

Giữ nguyên Bản dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS - ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 164, Điều 169, Điều 256, Điều 305, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 155, Điều 615, Điều 651, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

- Buộc bà Dư Thị T1 phải trả cho bà Hồ Thị T số tiền là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Buộc bà Dư Thị T1 phải liên đới cùng ông Ngô Phi M1 và bà Ngô Thị Thanh B trả cho bà Hồ Thị T số tiền 132.680.000 đồng (*một trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Ông Ngô Phi M1 và bà Ngô Thị Thanh B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do ông Ngô Phi M chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dư Thị T1 phải chịu 7.634.000 đồng (*bảy triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị T số tiền 3.817.000 đồng (*Ba triệu, tám trăm mười bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015868, ngày 21/02/2022.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Dư Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0017056 ngày 17/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Krông Pắc;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *.....;*
- *Lưu.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân